

PHỤ LỤC DANH MỤC HÀNG HÓA

(Kèm theo Thư mời chào giá số: /CV-KNĐL ngày tháng 8 năm 2026
của Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Đắk Lắk)

STT	TÊN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ	YÊU CẦU KỸ THUẬT	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
1	Tryptic Soy Agar Casein (TSA)	Chai 500g Môi trường có các thành phần sau (g/l) - Casein thủy phân bởi Pancreatin: 15,0-17,0g - Bột đậu tương thủy phân bởi Papain: 5,0 g - Natri Clorid: 5,0 g - Agar: 15,0 g pH sau khi hấp tiệt khuẩn: $7,3 \pm 0,2$ Có giấy chứng nhận COA	Chai	5	
2	MT Sabouraud Chloramphenicol dextrose agar	Chai 500g * Môi trường có các thành phần sau (g/l): - Dextrose: 40,0 g - Casein thủy phân bởi pancreatin: 5,0 g - Pepton từ mô động vật: 5,0 g - Chloramphenicol: 0,05g - Thạch: 15,0 g Có giấy chứng nhận COA	Chai	7	

3	MT Violet Red Bile Glucose agar (VRBG agar)	Chai 500g * Môi trường có các thành phần sau (g/l): - Agar: 12.0 g - Bile salts No.3: 1.5 g - Crystal violet: 0.002 g - Glucose: 10.0 g - Neutral red: 0.03 g - Enzymatic digest of animal tissues: 7.0 g - Sodium chloride: 5.0 g - Yeast extract: 3.0 g Có giấy chứng nhận COA	Chai	2	
4	MT Thạch Glucose	Chai 500g * Môi trường có các thành phần sau (g/l): Tryptone 10 g Yeast extract 1,5 g Glucose 10 g Sodium chloride 5 g Bromocresol purple 0,015 g Agar 9 g - 18 g Có giấy chứng nhận COA	Chai	1	
5	MT MacConkey Broth	Chai 500g * Môi trường có các thành phần sau(g/l) - Peptone: 20.0 g - Lactose: 10.0 g - Bile salts: 5.0 g - Sodium chloride: 5.0 g - Bromocresol purple: 0.01 g * pH sau khi hấp tiệt khuẩn 7.4 ± 0.2 *Có giấy chứng nhận COA	Chai	4	

6	MT Cetrimide Agar	Chai 500g * Môi trường có các thành phần sau (g/l): - Gelatin peptone: 20.0 g - Magnesium Chloride: 1.4 g - Potassium Sulphate: 10.0 g - Cetrimide: 0.3 g - Agar: 13.6 g *Có giấy chứng nhận COA	Chai	3	
7	Pseudomonas agar phát hiện pyoanin	Chai 500g * Môi trường có các thành phần sau (g/l): - Gelatin peptone: 16.0 g - Casein hydrolysate: 10.0 g - Potassium sulphate: 10.0 g - Magnesium chloride: 1.4 g - Agar: 11.0 g *Có giấy chứng nhận COA	Chai	2	
8	Môi trường lỏng Sabouraud - dextrose	Chai 500g * Môi trường có các thành phần sau (g/l): - Dextrose: 20,0 g - Casein thủy phân bởi pancreatin: 5,0 g - Pepton từ mô động vật: 5,0 g * Có giấy chứng nhận COA	Chai	2	

9	Eugon LT 100 Broth	Chai 500g * Môi trường có các thành phần sau (g/l) - Pancreatic digest of casein: 15,0 g - Papaic digest of soybean meal: 5,0 g - L-cystine: 0,7 g - Sodium chloride: 4,0 g - Sodium sunfite: 0,2 g - Glucose: 5,5 g - Egg lecithin: 1,0 g - Polysorbate 80: 5,0 g - Octoxynol 9: 1,0 g * Có giấy chứng nhận COA	Chai	4	
10	MT Baird Parker Agar Base	Chai 500g * Môi trường có các thành phần sau(g/l) - Tryptone: 10.0 g - 'Lab-Lemco' powder: 5.0 g - Yeast extract: 1.0 g - Sodium pyruvate: 10.0 g - Glycine: 12.0 g - Lithium chloride: 5.0 g - Agar: 20.0 g *Có giấy chứng nhận COA	Chai	3	
11	Tryptone soya broth	Casein thủy phân bởi Pancreatin: 17,0 g Natri Clorid: 5,0 g Dikali hydrophosphat: 2,5 g Glucose monohydrat: 2,5 g Bột đậu tương thủy phân bởi Papain: 3,0 g *Có giấy chứng nhận COA	Chai	2	

12	Enterobacteria-Mossel Broth	Genlatin thủy phân bởi pancreatin: 10,0 g Glucose monohydrat: 5,0 g Mật bò khô: 20,0 g Kali dihydrophosphat: 2,0 g Dinatri hydrophosphat dihydrat: 8,0 g Xanh brilliant: 15,0 mg *Có giấy chứng nhận COA	Chai	1	
13	Slanetz and Bartley Agar	Tryptose: 20 g Chất chiết nấm men: 5 g Glucose: 2g Dikali hidrophotphat (K_2HPO_4): 4 g Natri azit (NaN_3): 0,4 g Agar: 10 g 2,3,5- Triphenyltetrazolium chloride (TTC) : 5 mg *Có giấy chứng nhận COA	Chai	1	
14	Thạch trytone - mật glucuronid (TBX).	Sản phẩm thủy phân casein bằng enzym: 20 g Muối mật No.3: 3 g Acid 5-bromo-4-clo-3-indolyl-β-D-glucuronid (BCIG): 144 μmol Dimetyl sulfit (DMSO): 3 ml Agar (phụ thuộc vào khả năng đông): 9g - 18 g *Có giấy chứng nhận COA	Chai	1	

15	Môi trường thạch coliform sinh màu (CCA)	Casein: 1,0 g Chất chiết nấm men: 2,0 g Natri clorua (NaCl): 5,0 g Natri dihydro phosphat ngậm hai phân tử nước ($\text{NaH}_2\text{PO}_4 \cdot 2\text{H}_2\text{O}$): 2,2 g Di-Natri hydro phosphat (Na_2HPO_4): 2,7 g Natri pyruvat ($\text{C}_3\text{H}_3\text{NaO}_3$): 1,0 g Sorbitol ($\text{C}_6\text{H}_{14}\text{O}_6$): 1,0 g Tryptophan: 1,0 g Chất hoạt động bề mặt ethyloxylat của alcohol bậc 2 (CAS No. 68131-40-8)^a (ví dụ: Tergitol^R 15-S-7 surfactant)^b: 0,15 g 6-Chloro-3-indoxyl-β-D-galactopyranoside (Salmon-beta-D-galactosid), (CAS No. 138182-21-5) : 0,2 g Axit 5-Bromo-4-Chloro-3-indoxyl-β-D-glucuronic, muối cyclohexylamoni ngậm một phân tử nước (X-beta-G-glucuronide CHX salt) (CAS No.114162-64-0): 0,1 g Isopropyl-β-D-thiogalactopyranoside (IPTG) (CAS -No. 367-93-1): 0,1 g Agar: 9 g đến 18 g	Chai	2	
16	Cooked Meat Medium	HMH peptone B: 98.00 g Proteose peptone: 20.00 g Dextrose(Glucose): 2.00 g Sodium chloride: 5.00 g * Có giấy chứng nhận COA	Chai	1	

17	Acetamide broth	Potassium dihydrogen phosphate: 1,0 g Sodium chloride: 0,2 g Magnesium sulphate anhydrous: 0,2 g Acetamide: 2,0 g Sodium molybdate: 5,0 mg Iron sulphate heptahydrate: 0,5 mg	Chai	1	
18	Môi trường thạch Pseudomonas cơ bản/thạch CN	Gelatin pepton: 16,0g Casein hydrolysate: 10,0 g Kali sunfat (khan) (KH_2SO_4): 10,0 g Magie clorua (khan) (MgCl_2): 1,4 g Glycerol: 10 ml Thạch : 11,0 g đến 18,0 g Hexadecyltrimethyl amoni bromua (cetrimid): 0,2g Axit nalidixic: 0,015 g.	Chai	1	
19	MT Brilliant Green Bile Broth 2% (BGBB)	Chai 500g * Môi trường có các thành phần sau (g/l) - Dịch thủy phân casein bằng enzyme: 10g - Lactose ($\text{C}_{12}\text{H}_{22}\text{O}_{11} \cdot \text{H}_2\text{O}$): 10g - Mật bò khô: 20g Lục sáng (Brilliant green): 0,0133g * Có giấy chứng nhận COA	Chai	1	

20	Chromogenic Coliform Agar(CCA)	Chai 500g * Môi trường có các thành phần sau (g/l): - Enzymatic Digest of Casein: 1.0 g - Yeast Extract: 2.0 g - Sodium Chloride: 5.0 g - Sodium dihydrogen phosphate dehydrate 2H ₂ O: 2.2 g - Di-sodium Hydrogen Phosphate: 2.7 g - Sodium Pyruvate: 1.0 g - Sorbitol: 1.0 g - Tryptophane: 1.0 g - Tergitol 15-S-7: 0.15 g - 6-chloro-3-indoxyl-beta-D galactopyranoside: 0.2 g - 5-Bromo-4-chloro-3-indoxyl-β-D glucuronic acid: 0.1g - IPTG: 0.1 g - Agar: 13.55 g * Có giấy chứng nhận COA	Chai	1	
21	Peptone from casein (Tryptone)	* Có giấy chứng nhận COA	Chai	1	
22	Cooked meat Agar	Chai 500g * Môi trường có các thành phần sau (g/l): - Peptone : 10,0g - Sodium chloride: 5,0 g - Heart muscle: 454,0g - ‘Lab-Lemco’ Powder: 10,0g - Glucose: 2,0g * Có giấy chứng nhận COA	Chai	1	

23	Fluid thioglycollate medium	Chai 500g * Môi trường có các thành phần sau(g/l) - Tryptone: 15.0 g/l - Yeast Extract: 5.0 g/l - Glucose: 5.5 g/l - Sodium Chloride: 2.5 g/l - Sodium Thioglycollate: 0.5 g/l - L-cystine: 0.5 g/l - Resazurin: 0.001 g/l - Agar: 0.75 g/l * Có giấy chứng nhận COA	Chai	1	
24	Corn meal Agar	Chai 500g * Môi trường có các thành phần sau(g/l) - Corn meal infusion (from 50 g whole maize): 2g - Agar 15.00g * Có giấy chứng nhận COA	Chai	1	
25	Antibiotic Assay Medium No.1	Chai 500g * Môi trường có các thành phần sau(g/l) - Pepton: 6g - Casein thủy phân bới pancreatin: 4,0g - Cao thịt bò: 1,5g - Cao nấm men: 3,0g - Glucose monohydrat: 1,0g - Thạch: 15,0g. * Có giấy chứng nhận COA	Chai	1	

26	Xylose Lysine Deoxycholate (XLD agar)	Chai 500g * Môi trường có các thành phần sau (g/l): - Yeast Extract: 3.0 g - Sodium Chloride: 5.0 g - Xylose: 3.75 g - Lactose: 7.5 g - Sucrose: 7.5 g - L-Lysine HCl: 5.0 g - Sodium Thiosulphate: 6.8 g - Ferric Ammonium Citrate: 0.8 g - Phenol Red: 0.08 g - Sodium Deoxycholate: 1.0 g - Agar: 12.5 g * Có giấy chứng nhận COA	Chai	1	
27	RVS (Rappaport Vassiliadis Soya) Broth	Chai 500g * Môi trường có các thành phần sau (g/l): - Soy peptone: 4.5 g - Sodium Chloride: 7.2 g - Magnesium Chloride Anhydrous: 13.58 g - Malachite Green: 0.036 g - Potassium Dihydrogen Phosphate: 1.26 g - Di-potassium Hydrogen Phosphat: 0.18 g * Có giấy chứng nhận COA	Chai	1	

28	Mossel, EE Broth	Chai 500g * Môi trường có các thành phần sau (g/l): - Genlatin thủy phân bởi pancreatin: 10,0 g - Glucose monohydrat: 5,0 g - Mật bò khô: 20,0 g - Kali dihydrophosphat: 2,0 g - Dinatri hydrophosphat dihydrat : 8,0 g - Xanh brilliant : 15 mg *Có giấy chứng nhận COA	Chai	1	
	Tổng cộng: 28 mặt hàng				